

Số: 300 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 25 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 673/QĐ-LĐTBXH ngày 12/5/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Quyết định số 2116/QĐ-LĐTBXH và Quyết định số 2117/QĐ-LĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Bãi bỏ 7 thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết, phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã (phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Lao động -Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, VP1, VP6.
- MT08/2018/TTHC

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



***Tống Quang Thìn**



Phụ lục I

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI
THỰC ĐĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*Ban hành theo Quyết định số: 300 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Trong thời hạn 35 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Trong thời hạn 40 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Nội vụ	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Trong thời hạn 32 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận một cửa UBND cấp xã. - Bộ phận một cửa UBND cấp huyện. - Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng. Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Theo thỏa thuận.	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
11	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

II. Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động

1	Hỗ trợ huấn luyện thông qua Tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư 19/2017/TT-BLĐTBXH ngày 03/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
---	--	--	--	-------	---

2	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	10 ngày làm việc, trong đó thời hạn giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 05 ngày, của cơ quan Bảo hiểm xã hội là 05 ngày	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Cơ quan bảo hiểm xã hội	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
3	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	10 ngày làm việc, trong đó thời hạn giải quyết của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là 05 ngày, của cơ quan Bảo hiểm xã hội là 05 ngày	Bộ phận một cửa Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Cơ quan bảo hiểm xã hội	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 37/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư 26/2017/TT-BLĐTBXH ngày 22/9/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

Tên thủ tục hành chính		Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực bảo trợ xã hội					
1	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Trong thời hạn 35 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
2	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Trong thời hạn 40 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
3	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
4	Đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
5	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

6	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
7	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp.	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
8	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Trong thời hạn 32 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Bộ phận một cửa UBND cấp xã; - Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
9	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Tiếp nhận ngay các đối tượng cần sự bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở. Các thủ tục, hồ sơ phải hoàn thiện trong 10 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận đối tượng, Trường hợp kéo dài quá 10 ngày làm việc, phải do cơ quan quản lý cấp trên xem xét quyết định.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
10	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Theo thỏa thuận.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.

11	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.
II. Lĩnh vực An toàn, vệ sinh lao động					
1	Hỗ trợ chi phí huấn luyện trực tiếp cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động	Trong thời hạn 14 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp huyện.	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015; - Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Thông tư 19/2017/TT-BLĐTBXH ngày 03/7/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Tên thủ tục hành chính		Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực giảm nghèo					
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	- Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ; - Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
II. Lĩnh vực bảo trợ xã hội					
1	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận một cửa UBND cấp xã	Không	Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ.



Phụ lục II

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Được ban hành theo Quyết định số: 300 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC	Ghi chú
1		Cấp giấy phép hoạt động cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi đối với cơ sở thuộc cấp tỉnh quản lý.	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	Quyết định số 458/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết, phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã
2		Cấp lại, điều chỉnh giấy phép cơ sở chăm sóc người khuyết tật, cơ sở chăm sóc người cao tuổi do cấp tỉnh quản lý.	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	

3		<p>Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội</p>	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	
4		<p>Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.</p>	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	
5		<p>Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội.</p>	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	

6		Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố Danh mục, nội dung thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Ninh Bình
7		Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em	<p>- Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.</p> <p>- Quyết định số 1593/QĐ-LĐTBXH ngày 10/10/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.</p>	